SỞ GD&ĐT BẮC NINH  **CHUYÊN ĐỀ ÔN TẬP KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT**

**TRƯỜNG THPT LƯƠNG TÀI 2 MÔN :ĐỊA LÍ (2023)**

**TÊN CHUYÊN ĐỀ: ĐỊA LÍ DÂN CƯ**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN: VŨ HỮU THUẤN**

**ĐƠN VỊ CÔNG TÁC: TRƯỜNG THPT LƯƠNG TÀI SỐ 2**

**Câu 1:** Dân số nước ta đông **không** tạo thuận lợi nào dưới đây?

**A.** Nguồn lao động dồi dào. **B.** Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**C.** Thu hút nhiều vốn đầu tư. **D.** Trình độ đào tạo được nâng cao.

**Câu 2:** Tỉ lệ người già trong cơ cấu dân số nước ta ngày càng tăng chủ yếu do

**A.** có quy mô dân số đông. **B.** mức sống được nâng lên.

**C.** có quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh. **D.** nước ta có nhiều thành phần dân tộc.

**Câu 3:** Dân số nước ta tăng nhanh gây hệ quả nào sau đây?

**A.** Đẩy nhanh quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

**B.** Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.

**C.** Nguồn lao động đông, tăng nhanh.

**D.** Gây sức ép đến kinh tế, xã hội và môi trường.

**Câu 4:** Phân bố dân cư **không** hợp lí đã ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế của nước ta?

**A.** Khó khăn cho việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

**B.** Khó khăn để nâng cao mức sống cho người lao động.

**C.** Khó khăn cho vấn đề việc làm và nhà ở.

**D.** Gây ô nhiễm môi trường ở tất cả các vùng.

**Câu 5:** Nhận định nào sau đây **không** hoàn toàn đúng với đặc điểm dân số Việt Nam hiện nay?

**A.** Số dân vẫn tăng nhanh. **B.** Cơ cấu dân số trẻ.

**C.** Quy mô dân số lớn. **D.** Nhiều thành phần dân tộc.

**Câu 6:** Đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc là do

**A.** địa hình bằng phẳng, chủ yếu là trồng lúa. **B.** Nhiều dân tộc sinh sống, diện tích rộng

**C.** chủ yếu trồng lúa, nhiều dân tộc sinh sống. **D.** diện tích đất rộng, có nhiều khoáng sản.

**Câu 7:** Xu hướng già hóa của dân số nước ta **không** có biểu hiện nào sau đây?

**A.** Tỉ lệ người trên 60 tăng. **B.** Tuổi thọ trung bình tăng.

**C.** Tỉ lệ người từ 0-14 tăng. **D.** Tỉ suất gia tăng dân số giảm.

**Câu 8:** Gia tăng dân số nhanh **không** dẫn đến hậu quả nào?

**A.** Tạo sức ép lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

**B.** Làm suy giảm tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

**C.** Thay đổi cơ cấu dân số giữa thành thị và nông thôn.

**D.** Ảnh hưởng của việc nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 9:** Nước ta có thành phần dân tộc đa dạng chủ yếu do

**A.** lịch sử định cư và khai thác lãnh thổ từ sớm.

**B.** có nền văn hóa đa dạng giàu bản sắc dân tộc.

**C.** là nơi gặp gỡ nhiều luồng di cư lớn trong lịch sử.

**D.** tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thế giới.

**Câu 10:** Tây Bắc có mật độ dân số thấp hơn so với Đông Bắc chủ yếu do

**A.** địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, lịch sử khai thác muộn.

**B.** nhiều thiên tai, địa hình hiểm trở, có ít tài nguyên khoáng sản.

**C.** nền kinh tế còn lạc hậu, địa hình hiểm trở, cơ sở vật chất kĩ thuật còn nghèo.

**D.** khí hậu khắc nghiệt, nhiều thiên tai, là địa cư trú của nhiều dân tộc ít người.

**Câu 11:** Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta hiện nay là

**A.** xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.

**B.** phân bố lại lực lượng lao động trên quy mô cả nước.

**C.** hợp tác lao động quốc tế để xuất khẩu lao động.

**D.** đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở đô thị.

**Câu 12:** Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

**A.** khôi phục các nghề thủ công. **B.** tiến hành thâm canh, tăng vụ.

**C.** phát triển kinh tế hộ gia đình. **D.** khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 13:** Quá trình phân công lao động xã hội ở nước ta chậm chuyển biến, chủ yếu là do

**A.** năng suất và thu nhập của lao động còn thấp. **B.** cơ sở hạ tầng kinh tế chưa phát triển đồng bộ.

**C.** chưa sử dụng triệt để quỹ thời gian lao động. **D.** tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm còn cao.

**Câu14:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho thu nhập bình quân của lao động nước ta thuộc loại thấp so với thế giới?

**A.** Năng suất lao động chưa cao. **B.** Tỉ lệ lao động nông nghiệp còn lớn.

**C.** Hệ thống cơ sở hạ tầng lạc hậu. **D.** Lao động thiếu tác phong công nghiệp.

**Câu 15:** Chính sách mở cửa, hội nhập đã làm cho cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế thay đổi theo hướng nào sau đây?

**A.** Nhà nước giảm, ngoài nhà nước tăng, có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

**B.** Nhà nước biến động, ngoài nhà nước giảm, có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

**C.** Nhà nước giảm, ngoài nhà nước giảm, có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

**D.** Nhà nước giảm, ngoài nhà nước biến động, có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

**Câu 16:** Xuất khẩu lao động có ý nghĩa như thế nào trong giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta?

**A.** Giúp phân bố lại dân cư và nguồn lao động.

**B.** Góp phần đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.

**C.** Hạn chế tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm.

**D.** Đa dạng các loại hình đào tạo lao động trong nước.

**Câu 17:** Nguyên nhân nào sau đây làm cho việc làm trở thành vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay?

**A.** Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trên cả nước còn lớn.

**B.** Số lượng lao động tăng nhanh hơn so với số việc làm mới.

**C.** Nguồn lao động dồi dào trong khi kinh tế chậm phát triển.

**D.** Nguồn lao động dồi dào trong khi chất lượng lao động thấp.

**Câu 18:** Thu nhập bình quân của nước ta thuộc loại thấp so với thế giới là do

**A.** phần lớn lao động làm dịch vụ. **B.** năng suất lao động thấp.

**C.** phần lớn lao động sản xuất tiểu thủ công nghiệp. **D.** lao động chỉ chuyên sâu một nghề.

**Câu 19:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của lao động của nước ta?

**A.** Nguồn lao động dồi dào và tăng nhanh.

**B.** Đội ngũ công nhân kĩ thuật lành nghề thiếu nhiều.

**C.** Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.

**D.** Lực lượng lao động có trình độ cao đông đảo.

**Câu 20:** Lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực quốc doanh sang các khu vực khác vì

**A.** Khu vực quốc doanh làm ăn không có hiệu quả.

**B.** Kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.

**C.** Tác động của công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

**D.** Nước ta thực hiện nền kinh tế mở, thu hút đầu tư từ nước ngoài.

**Câu 21:** Tỉ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

**A.** Việc thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.

**B.** Thanh niên nông thôn đã ra thành thị tìm việc làm.

**C.** Chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.

**D.** Việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

**Câu 22:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng hoàn toàn với lao động nước ta?

**A.** Lao động trẻ, cần cù, sáng tạo, ham học hỏi. **B.** Có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật nhanh.

**C.** Có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm cao. **D.** Có kinh nghiệm sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

**Câu 23:** Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị cao hơn nông thôn vì

**A.** Thành thị đông dân hơn nên lao động cũng dồi dào hơn.

**B.** Chất lượng lao động ở thành thị thấp hơn

**C.** Dân nông thôn vào thành thị tìm việc làm.

**D.** Đặc trưng hoạt động kinh tế ở thành thị khác nông thôn.

**Câu 24:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với mặt mạnh của nguồn lao động nươc ta?

**A.** Người lao động cần cù, có kinh nghiệm sản xuất phong phú.

**B.** Chất lượng lao động ngày càng nâng lên.

**C.** Nguồn lao động dồi dào và tăng nhanh.

**D.** Đội ngũ cán bộ quản lí, công nhân kĩ thuật lành nghề nhiều.

**Câu 25:** Trong những năm gần đẩy, nước ta đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Giúp phân bố lại dân cư và nguồn lao động. **B.** Góp phần đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.

**C.** Hạn chế tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm. **D.** Nhằm đa dạng các loại hình đào tạo lao động.

**Câu 26:** Lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực quốc doanh sang các khu vực khác vì

**A.** Khu vực quốc doanh làm ăn không có hiệu quả.

**B.** Kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.

**C.** Tác động của công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

**D.** Nước ta đang thực hiện kinh tế mở, thu hút đầu tư nước ngoài.

**Câu 27:** Đặc điểm nào sau đây **không** hoàn toàn đúng với nguồn lao động nước ta?

**A.** Có ý thức tự giác và có tinh thần trách nhiệm cao.

**B.** Có kinh nghiệm sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phong phú.

**C.** Có khả năng tiếp thu, vận dụng khoa học kĩ thuật nhanh.

**D.** Cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất đa dạng.

**Câu 28:** Ở khu vực thành thị, tỉ lệ thất nghiệp cao hơn nông thôn vì

**A.** Dân nông thôn đổ xô ra thành thị tìm việc làm.

**B.** Thành thị đông dân hơn nên lao động cũng dồi dào hơn.

**C.** Chất lượng lao động ở thành thị thấp hơn

**D.** Đặc trưng hoạt động kinh tế ở thành thị khác với nông thôn.

**Câu 29:** Việc phát triển nghề thủ công truyền thống ở khu vực nông thôn hiện nay góp phần quan trọng nhất vào

**A.** thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa. **B.** đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** thay đổi phân bố dân cư trong vùng. **D.** giải quyết sức ép về vấn đề việc làm.

**Câu 30:** Biện pháp quan trọng nhất để giảm sức ép việc làm ở khu vực thành thị là

**A.** đẩy mạnh quá trình đô thị hóa. **B.** chuyển cư tới các vùng khác.

**C.** đẩy mạnh xuất khẩu lao động. **D.** xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí.

**Câu 31:** Quá trình đô thị hóa ở nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Diễn ra chậm chạp với trình độ thấp. **B.** Phân bố đô thị không đều giữa các vùng.

**C.** Tỉ lệ dân thành thị thấp so với nhiều nước. **D.** Phân loại đô thị dựa vào chức năng quản lý.

**Câu 32:** Đô thị hoá ở nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Tỷ lệ dân thành thị thấp.

**B.** Diễn ra phức tạp và lâu dài.

**C.** Diễn ra chậm chạp, trình độ thấp hơn so với thế giới.

**D.** Lối sống thành thị phát triển chậm hơn tốc độ đô thị hoá.

**Câu 33:** Quá trình đô thị hóa làm nảy sinh hậu quả xã hội nào dưới đây?

**A.** Tỉ lệ thiếu việc ở nông thôn cao. **B.** Sự phân hóa giàu nghèo tăng lên.

**C.** Sự phân bố dân cư không đều. **D.** Trình độ đô thị hóa thấp.

**Câu 34:** Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do

**A.** cơ sở hạ tầng đô thị phát triển. **B.** quá trình công nghiệp hóa.

**C.** gia tăng dân số tự nhiên ở thành thị cao. **D.** di dân từ nông thôn ra thành thị.

**Câu 35:** Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa, nước ta cần

**A.** giảm bớt tốc độ đô thị hóa. **B.** hạn chế di dân ra thành thị.

**C.** mở rộng lối sống nông thôn. **D.** gắn đô thị hóa với công nghiệp hóa.

**Câu 36:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ trình độ đô thị hóa của nước ta còn thấp?

**A.** Địa giới các đô thị được mở rộng. **B.** Mức sống dân cư được cải thiện.

**C.** Xuất hiện nhiều đô thị mới. **D.** Cơ sở hạ tầng còn lạc hậu.

**Câu 37:** Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hóa tới sự phát triển kinh tế nước ta là

**A.** tăng thu nhập cho người dân. **B.** làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** tạo việc làm cho người lao động. **D.** gây sức ép đến môi trường đô thị.

**Câu 38:** Thời Pháp thuộc, đô thị hóa **không** có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Đô thị không có cơ sở để mở rộng. **B.** Tỉnh, huyện thường được chia với quy mô nhỏ.

**C.** Chức năng chủ yếu là hành chính và quân sự. **D.** Đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa.

**Câu 39:** Điểm khác nhau của quá trình đô thị hóa giai đoạn 1975 đến nay so với giai đoạn 1954 - 1975 là

**A.** đô thị hóa diễn ra chậm. **B.** có chuyển biến khá tích cực.

**C.** không có sự thay đổi nhiều. **D.** trình độ đô thị hóa thấp.

**Câu 40:** Tác động của đô thị hoá đến phát triển kinh tế của nước ta **không** thể hiện ở việc

**A.** tạo ra nhiều việc làm cho nhân dân. **B.** tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật.

**C.** tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. **D.** thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển.

**Câu 41:** Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh trong những năm gần đây do

**A.** kết quả của việc di dân tự do từ nông thôn ra thành thị.

**B.** tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở thành thị cao hơn nông thôn.

**C.** sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế và quy hoạch, mở rộng đô thị.

**D.** cơ sở hạ tầng đô thị phát triển cao so với khu vực và thế giới.

**Câu 42:** Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở nước ta trong những năm qua thay đổi theo hướng

**A.** số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều tăng.

**B.** số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều giảm.

**C.** số dân thành thị tăng nhưng tỉ lệ dân thành thị giảm.

**D.** số dân thành thị giảm nhưng tỉ lệ dân thành thị vẫn tăng.

**Câu 43:** Tác động tiêu cực của đô thị hóa ở nước ta **không** thể hiện ở

**A.** tăng nguy cơ thất nghiệp. **B.** gia tăng các tệ nạn xã hội.

**C.** di dân tự do từ nông thôn vào thành thị. **D.** đô thị hóa xuất phát từ công nghiệp hóa.

**Câu 44:** Tác động tích cực của đô thị hóa đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta là

**A.** ở nước ta có tỉ lệ dân thành thị tăng.

**B.** các đô thị ở nước ta có qui mô không lớn.

**C.** các đô thị nước ta tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

**D.** thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển.

**Câu 45:** Biểu hiện nào sau đây cho thấy trình độ đô thị hoá ở nước ta còn thấp?

**A.** Cả nước chỉ có 2 đô thị loại đặc biệt.

**B.** Không có 1 đô thị nào có trên 10 triệu dân.

**C.** Dân thành thị mới chỉ chiểm có khoảng 27% dân số.

**D.** Quá trình đô thị hoá không đều giữa các vùng.

**Câu 46:** Nguyên nhân dẫn tới quá trình đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ trong thời gian qua là.

**A.** Công nghiệp hoá phát triển mạnh. **B.** Quá trình đô thị hoá giả tạo, tự phát.

**C.** Mức sống của người dân cao. **D.** Kinh tế phát triển nhanh.

**Câu 47:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ lệ dân thành thị nước ta ngày càng tăng là

**A.** chính sách phân bố lại dân cư giữa các vùng. **B.** chất lượng cuộc sống ở thành thị tốt hơn.

**C.** quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa phát triển. **D.** dân nông thôn ra thành thị tìm việc làm.

**Câu 48:** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về sự phân bố số lượng các đô thị ở Việt Nam?

**A.** Chủ yếu ở vùng đồng bằng và ven biển. **B.** Chủ yếu ở vùng đồi trung du và miền núi.

**C.** Chủ yếu ở vùng đồi trung du và ven biển. **D.** Chủ yếu ở vùng đồng bằng và đồi trung du.

**Câu 49:** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về sự phân bố số lượng các đô thị ở Việt Nam?

**A.** Các đô thị lớn tập trung nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**B.** Các đô thị tập trung nhiều nhất ở Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng có nhiều đô thị trực thuộc Trung ương nhất.

**D.** Đông Nam Bộ có nhiều đô thị trực thuộc Trung ương nhất.

**Câu 50:** Vùng nào sau đây có số lượng đô thị ít nhất nước ta hiện nay?

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.